

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-02-2020

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Kiệt.

Bà Huỳnh Thị Kim Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Huỳnh Văn C, sinh năm 1982.

Cư trú tại: Ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1987.

Nơi cư trú cuối cùng: Ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Huỳnh Văn C trình bày:

Vào cuối năm 2004, anh Huỳnh Văn C và chị Trần Thị Đ chung sống với nhau như vợ chồng. Sau đó, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyền số I/06 ngày 18 tháng 7 năm 2006, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến ngày 15 tháng 3 năm 2015, thì phát sinh mâu thuẫn

do chị Đ có mối quan hệ với người đàn ông khác, anh C khuyên ngăn thì xảy ra cãi vã, chị Đ đã bỏ địa phương đi nên anh chị không còn sống chung từ ngày 15 tháng 3 năm 2015 cho đến nay.

Đến ngày 13 tháng 5 năm 2019, anh C làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tuyên bố chị Trần Thị Đ mất tích. Đến ngày 11 tháng 10 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng ban hành quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 08/2019/QĐST-VDS tuyên bố chị Trần Thị Đ mất tích.

Trong quá trình chung sống, anh C và chị Đ có một con chung tên Huỳnh Tuấn A, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2005, anh C đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu A. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay anh Huỳnh Văn C yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Anh C yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Đ.
- Về con chung: Anh C yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Huỳnh Tuấn A, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2005 đến tuổi thành niên, không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: Anh C, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 510/TB-TLVA ngày 18 tháng 12 năm 2019, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn chị Trần Thị Đ bằng hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú cuối cùng của chị Đ trước khi mất tích, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nơi cư trú cuối cùng của chị Đ) và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, nhưng không có tin tức gì về chị Đ và chị Đ cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh C. Tòa án đã tiến hành thông báo, triệu tập hợp lệ chị Đ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị Đ không có mặt theo thời gian và địa điểm trong nội dung thông báo, giấy triệu tập nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của chị Đ trong hồ sơ vụ án.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau, không còn sống chung với nhau thời gian dài, bị đơn đã bỏ đi và đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; về con chung giao cháu Huỳnh Tuấn A, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2005 cho nguyên đơn nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Về án phí nguyên đơn có đơn yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng trong vụ án ly hôn. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Anh Huỳnh Văn C cư trú tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và chị Trần Thị Đ có nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích là tại địa chỉ ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Anh C có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Đ, yêu cầu được nuôi con chung. Anh C đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú đã thụ lý đơn và thông báo cho anh C nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và anh C đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý việc khởi kiện của anh Huỳnh Văn C là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với bị đơn chị Trần Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Trần Thị Đ. Nguyên đơn anh Huỳnh Văn C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh Huỳnh Văn C.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Văn C, sinh năm 1982 và chị Trần Thị Đ, sinh năm 1987 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số I/06 ngày 18 tháng 7 năm 2006 nên quan hệ hôn nhân giữa anh Huỳnh Văn C và chị Trần Thị Đ là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của anh Huỳnh Văn C, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng anh C, chị Đ hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, đến ngày 15 tháng 3 năm 2015 thì chị Đ đã bỏ đi và đến ngày 11 tháng 10 năm 2019 đã bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tuyên bố mất tích; theo khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn*”, căn cứ vào quy định này, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C.

[5] Về con chung: Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 12 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Huỳnh Văn C trình bày và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Huỳnh Tuấn A, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2005 đến tuổi thành niên. Xét yêu cầu được nuôi con chung của anh C, Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản ghi ý kiến ngày 13 tháng 01 năm 2020, cháu Huỳnh Tuấn A thể hiện nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với cha là anh C nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận giao cháu Huỳnh Tuấn A cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung đến tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 1 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, chị Trần Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị Đ không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của anh Huỳnh Văn C.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Huỳnh Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Anh Huỳnh Văn C là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Văn C và chị Trần Thị Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Tuấn A, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2005 cho anh Huỳnh Văn C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị Trần Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị Đ không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của anh C.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Huỳnh Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Huỳnh Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Anh Huỳnh Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/ 0000344 ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, anh Huỳnh Văn C đã nộp xong án phí.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn